



Báo cáo THỊ TRƯỜNG GẠO

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường gạo trong nước và thế giới.

www.vietnambiz.vn

THÁNG 4 2023

Nội dung:
Hoàng Hiệp

Thiết kế:
Justin Bui

TÓM TẮT.....	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI	04
1. Sản xuất – Tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	10
3. Diễn biến giá	13
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM	16
1. Sản xuất	16
2. Xuất khẩu	17
3. Diễn biến giá	21
4. Tình hình nhập khẩu.....	22
PHẦN III: DỰ BÁO	24
PHẦN IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	26
PHẦN V: CHÍNH SÁCH	28
PHỤ LỤC:	29

- Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu sẽ giảm xuống còn 508,4 triệu tấn trong niên vụ 2022-2023, nhưng sẽ phục hồi mạnh và tăng 12 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục mới 521 triệu tấn. Bên cạnh đó, USDA dự báo tiêu thụ gạo thế giới tăng 500.000 tấn lên mức kỷ lục 520 triệu tấn trong niên vụ tới.
- Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ cho biết, xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ đạt mức cao kỷ lục trong năm tài chính 2023. Tuy nhiên, xuất khẩu dự kiến sẽ giảm trong năm 2024 do tác động của thuế xuất khẩu 20% đối với các loại gạo không phải gạo basmati.
- Thái Lan đã xuất khẩu tổng cộng 2,06 triệu tấn gạo trong quý đầu tiên của năm 2023, với kim ngạch thu về 38,06 tỷ Baht, tăng 18,5% về lượng và tăng tới 29,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022. Nước này đặt mục tiêu xuất khẩu từ 7,5 triệu tấn gạo đến 8 triệu tấn gạo trong năm nay.
- Chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đạt trung bình 124,2 điểm vào tháng 4, tăng 2,5% so với tháng 3 và cao hơn 17,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Tính đến hết tháng 4, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt gần 2,9 triệu tấn, với kim ngạch thu về hơn 1,5 tỷ USD, tăng 40,7% về lượng và tăng 51,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022. Đây cũng là con số cao nhất ghi nhận được của ngành gạo trong 4 tháng đầu năm kể từ trước đến nay. Những thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam là Philippines, Trung Quốc, Indonesia...
- Tính chung 4 tháng đầu năm, giá gạo xuất khẩu bình quân của nước ta đạt 527 USD/tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tại trong nước, giá lúa thường hiện đã tăng 1.000 đồng/kg so với cùng kỳ, trong khi giá gạo cũng tăng khoảng 1.800 đồng/kg.
- Xuất khẩu gạo tăng cao cả về lượng và giá nhưng kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp lại tương đối kém khả quan trong quý I/2023. Lợi nhuận thu hẹp do chi phí đầu vào, lãi vay ở mức cao.

PHẦN I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI

Sản lượng gạo toàn cầu giảm trong niên vụ 2022-2023 nhưng được dự báo sẽ phục hồi mạnh trong vụ 2023-2024. Trong khi đó, giá gạo châu Á có xu hướng tăng trong tháng 4 nhờ các hoạt động mua vào của Indonesia, Iraq và Malaysia...

1. Sản xuất - Tiêu thụ

Sản xuất:

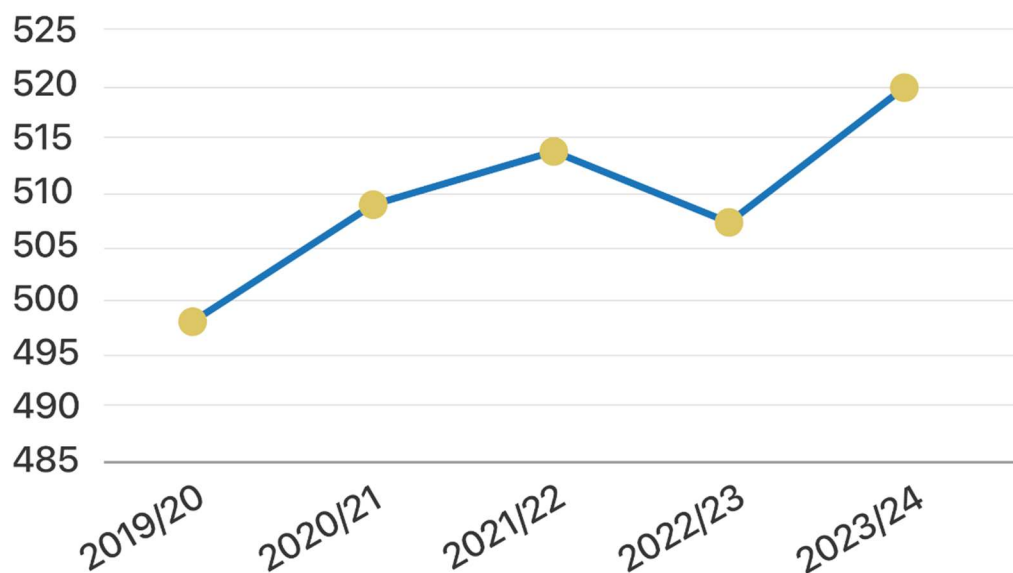
Theo Fitch Solutions, nguồn cung gạo toàn cầu đang thiếu hụt do tác động của xung đột Nga - Ukraine cũng như thời tiết không thuận lợi cho mùa màng ở các nước sản xuất lúa gạo hàng đầu thế giới. Tổ chức này dự báo thị trường gạo toàn cầu sẽ thiếu hụt 8,7 triệu tấn trong niên vụ 2022 - 2023, mức cao nhất kể từ niên vụ 2003 - 2004 và giá gạo sẽ duy trì ở mức cao cho đến năm 2024.

Còn trong báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), cơ quan này dự báo sản lượng gạo toàn cầu sẽ giảm xuống còn 508,4 triệu tấn trong niên vụ 2022-2023, nhưng sẽ phục hồi mạnh và tăng 12 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục mới 521 triệu tấn.

Mức tăng lớn nhất được ghi nhận tại Pakistan, nơi sản xuất gạo dự kiến sẽ phục hồi sau khi lũ lụt làm thiệt hại mùa màng trong niên vụ 2022-2023. Theo đó, sản lượng của Pakistan sẽ tăng từ 5,5 triệu tấn trong niên vụ 2022-2023 lên 9 triệu tấn trong vụ 2023-2024.

Ngoài ra, sản lượng của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng 3 triệu tấn lên mức 149 triệu tấn sau khi trải qua đợt hạn hán ở các tỉnh phía Nam trong năm trước.

Ấn Độ cũng được dự báo sẽ có một vụ mùa kỷ lục trong năm thứ tám liên tiếp với sản lượng vào khoảng 133 triệu tấn. Vụ mùa lớn hơn cũng được dự báo ở các nước sản xuất hàng đầu khác như Indonesia, Myanmar, Thái Lan và Bangladesh.



Biểu đồ 1: Sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2019/20 đến 2023/24
(ĐVT: Triệu tấn. Nguồn: USDA).

Tiêu thụ:

USDA dự báo tiêu thụ gạo thế giới tăng 500.000 tấn lên mức kỷ lục 520 triệu tấn vào niên vụ 2023-2024. Trong đó, phần lớn tiêu thụ được sử dụng làm thực phẩm. Ngoài ra, gạo tẩm làm thức ăn chăn nuôi đã phát triển trong vài năm qua do giá thức ăn chăn nuôi toàn cầu tăng cao.

Tuy nhiên, việc sử dụng gạo tẩm làm thức ăn chăn nuôi dự kiến sẽ giảm tại Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ gạo tẩm lớn nhất thế giới. Trong bối cảnh nhà cung cấp gạo tẩm lớn nhất của Trung Quốc là Ấn Độ đã cấm xuất khẩu gạo tẩm vào tháng 9/2022, do đó Trung Quốc đã bù đắp sự sụt giảm này bằng cách chuyển sang các nhà cung cấp khác nhưng nhìn chung nước này đang nhập khẩu với số lượng ít hơn. Trong thời gian tới, giá các loại ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi thay thế (ví dụ: ngô, lúa miến, v.v.) dự kiến sẽ giảm và Trung Quốc có thể sẽ quay trở lại sử dụng các loại ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi truyền thống.

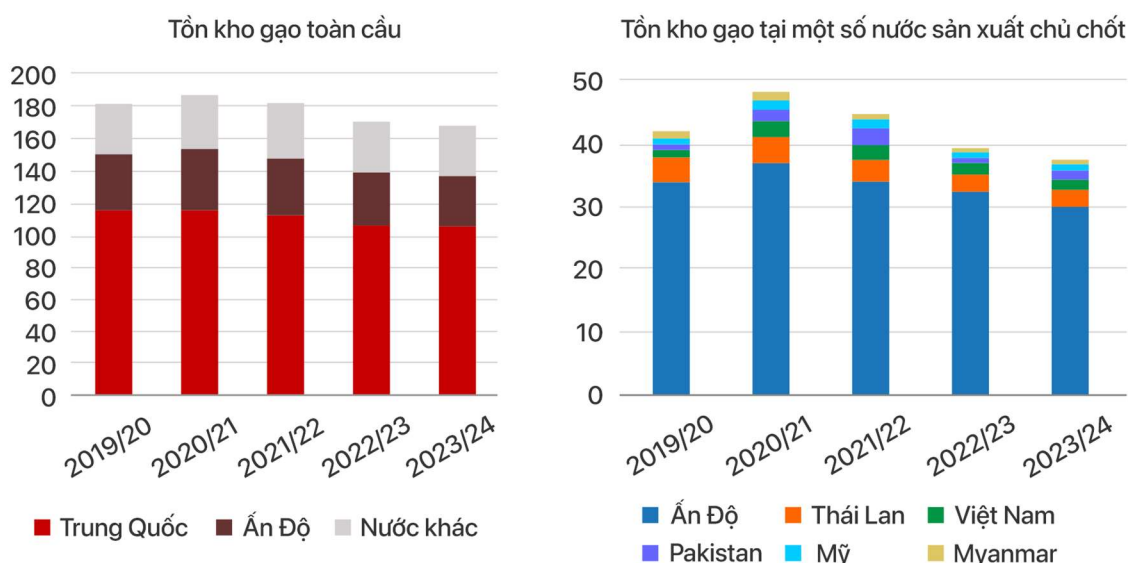
Tiêu thụ gạo tại quốc gia lớn thứ hai là Ấn Độ được dự báo sẽ cao kỷ lục do Chính phủ Ấn Độ sẽ tiếp tục phân bổ gạo cho các chương trình phân phối công cộng.

Còn tại châu Phi cận Sahara, Nam Á và Trung Đông tiêu thụ được dự báo sẽ tiếp tục tăng do dân số gia tăng.

Tồn kho:

Dự trữ gạo toàn cầu trong niên vụ 2023-2024 theo dự báo của USDA sẽ giảm 2,5 triệu tấn xuống 167 triệu tấn. Trung Quốc và Ấn Độ chiếm 81% dự trữ gạo toàn cầu.

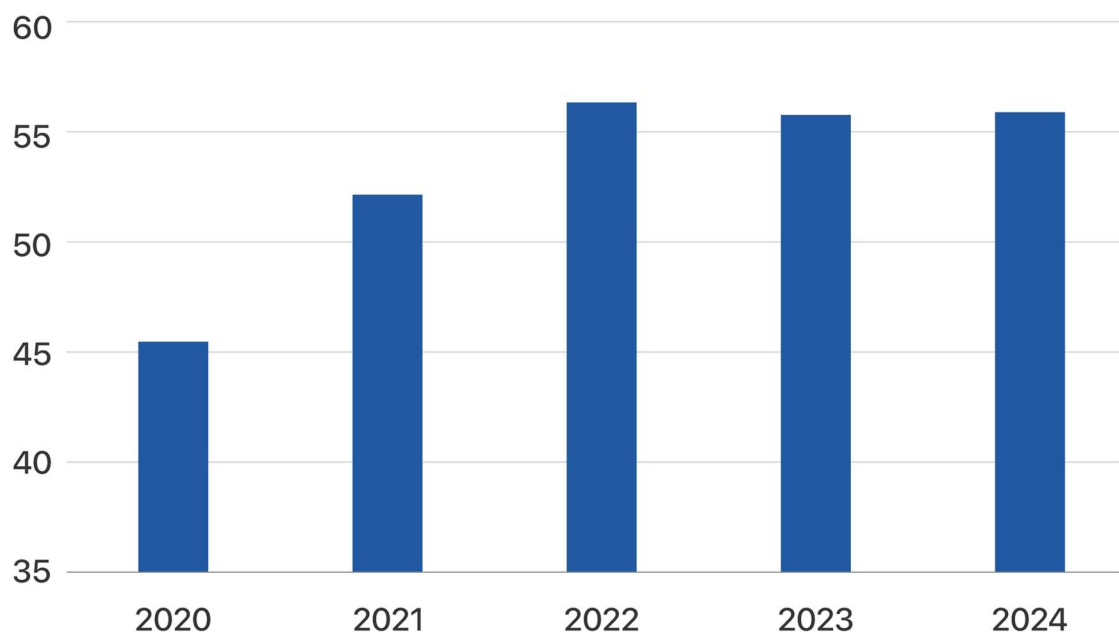
Tồn kho của Trung Quốc dự kiến sẽ không thay đổi và chiếm phần lớn tồn kho toàn cầu. Trong khi tồn kho ở Ấn Độ được dự báo sẽ giảm do nhu cầu sử dụng trong nước tăng mạnh và xuất khẩu ổn định. Dự trữ cuối vụ của Mỹ được dự báo sẽ tăng trở lại với một vụ mùa lớn hơn. Nhìn chung, tồn kho tại các nước xuất khẩu gạo lớn các quốc gia được dự báo sẽ giảm trong năm thứ ba liên tiếp.



Biểu đồ 2: Tồn kho gạo toàn cầu trong niên vụ 2019/20 đến 2023/24
(ĐVT: Triệu tấn. Nguồn: USDA).

Thương mại

Nhập khẩu toàn cầu trong năm dương lịch 2024 theo dự báo của USDA hầu như không thay đổi so với năm 2023 ở mức 55,8 triệu tấn, do nhập khẩu thấp hơn ở Đông Nam Á bù đắp cho nhu cầu gia tăng từ châu Phi cận Sahara và Nam Á.



Biểu đồ 3: Thương mại gạo toàn cầu từ năm 2020-2024 (ĐVT: Triệu tấn. Nguồn: USDA)

Mức giảm lớn nhất là tại Indonesia, nơi nhập khẩu được dự báo giảm 1,1 triệu tấn xuống 700.000 tấn. Vào tháng 3/2023, Chính phủ Indonesia đã công bố kế hoạch nhập khẩu tới 2 triệu tấn trong năm nay để bổ sung kho dự trữ quốc gia. Do đó trong năm 2024, lượng dự trữ lớn sẽ dẫn đến nhập khẩu gạo ít hơn.

Trung Quốc dự kiến sẽ nhập khẩu với số lượng tương đương 5 triệu tấn như trong năm 2023 do giá gạo xay sát cạnh tranh trên toàn cầu. Gạo tấm nhập khẩu từ Ấn Độ và Pakistan, được cho là nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan của Trung Quốc, sẽ không tiếp tục với số lượng lớn do gạo mất lợi thế về giá so với ngô làm thức ăn gia súc. Tuy nhiên, Trung Quốc dự kiến sẽ vẫn là nhà nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới.

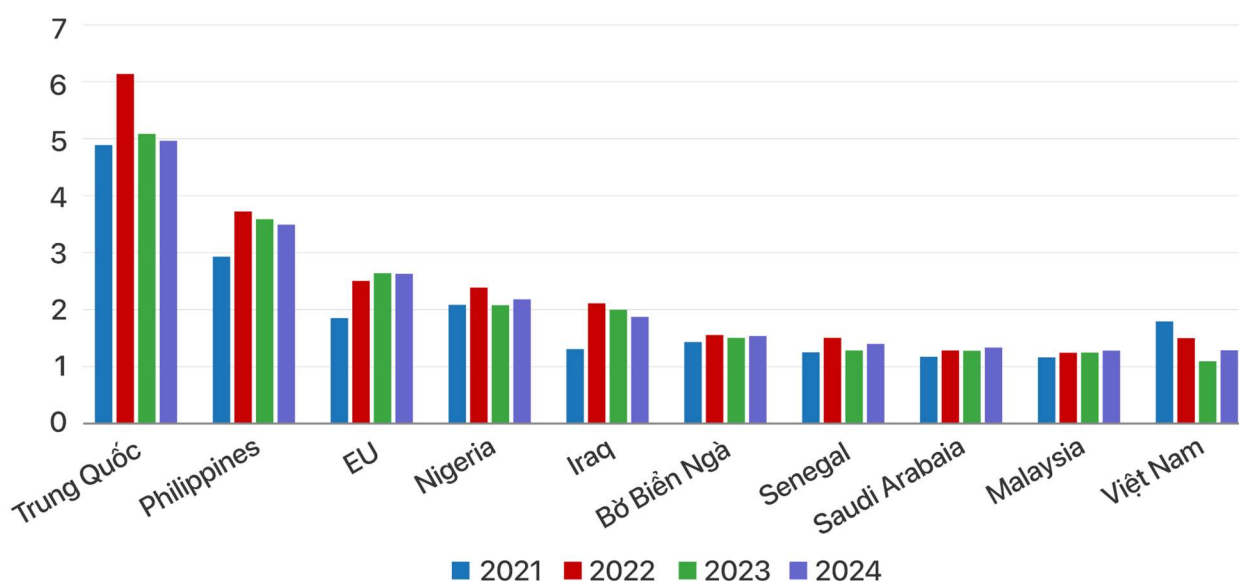
Nhập khẩu của Philippines được dự báo giảm nhẹ xuống 3,6 triệu tấn với dự báo sản xuất lớn hơn và tiêu thụ tiếp tục tăng. Tiêu thụ gạo tại nước này đã tăng so với lúa mì do giá lúa mì tăng mạnh hơn so với giá gạo.

Tại Trung Đông, Iraq dự kiến sẽ nhập khẩu 1,9 triệu tấn, thấp hơn 100 nghìn tấn so với năm trước. Lượng gạo nhập khẩu vào Iraq đã tăng vọt trong những tháng gần đây, do sản lượng vụ mùa thu hoạch gần đây giảm và tiêu dùng tăng. Với sự phục hồi trong dự báo vụ mùa của Iraq cho năm 2023/2024, nhập khẩu gạo của nước này được dự báo sẽ giảm nhẹ.

Ở cả Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Ả Rập Saudi, nhập khẩu và tiêu thụ gạo được dự báo tăng nhẹ theo do dân số tăng, du lịch cải thiện và nhiều lao động nước ngoài hơn.

Nhập khẩu của Liên minh châu Âu trong năm 2024 được dự báo là 2,7 triệu tấn, không thay đổi so với ước tính kỷ lục năm 2023. Mặc dù vụ mùa của EU dự kiến sẽ cao hơn, nhưng mức tiêu thụ vẫn được dự đoán sẽ tăng so với năm 2023.

Châu Phi cận Sahara tiếp tục là khu vực nhập khẩu lớn nhất và được dự báo sẽ nhập khẩu hơn 17 triệu tấn trong năm 2024, tăng 600.000 tấn so với năm 2023. Nhập khẩu tiếp tục tăng do mức tiêu thụ vượt quá mức tăng trong sản xuất của khu vực. Tăng trưởng tiêu thụ gạo được thúc đẩy bởi dân số gia tăng, chế độ ăn uống thay đổi và thị hiếu của người tiêu dùng đối với các loại gạo châu Á ngày càng tăng. Trong khu vực, các nhà nhập khẩu lớn nhất là Nigeria, Bờ Biển Ngà và Senegal, đều được dự báo sẽ tăng nhập khẩu.



Biểu đồ 4: Top 10 nước nhập khẩu gạo hàng đầu trong năm 2024
(ĐVT: triệu tấn. Nguồn: USDA).

Về xuất khẩu, xuất khẩu gạo của Ấn Độ năm 2024 được dự báo không đổi ở mức 22,5 triệu tấn và Ấn Độ sẽ tiếp tục là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm 40% thương mại toàn cầu. Xuất khẩu gạo của Ấn Độ dự kiến sẽ vẫn ở mức cao bất chấp thuế xuất khẩu hiện tại và lệnh cấm xuất khẩu gạo tấm. Trong khi xuất khẩu sang Trung Quốc sụt giảm mạnh do các chuyển hàng gạo tấm bị đình trệ, Ấn Độ vẫn là nhà cung cấp lớn cho các thị trường ở châu Phi, châu Á và Trung Đông do giá cả cạnh tranh.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam được dự báo đạt 6,7 triệu tấn trong năm 2024, giảm 400.000 tấn so với năm 2023, chủ yếu do nhu cầu giảm mạnh từ Indonesia. Trong khi Philippines và Trung Quốc,

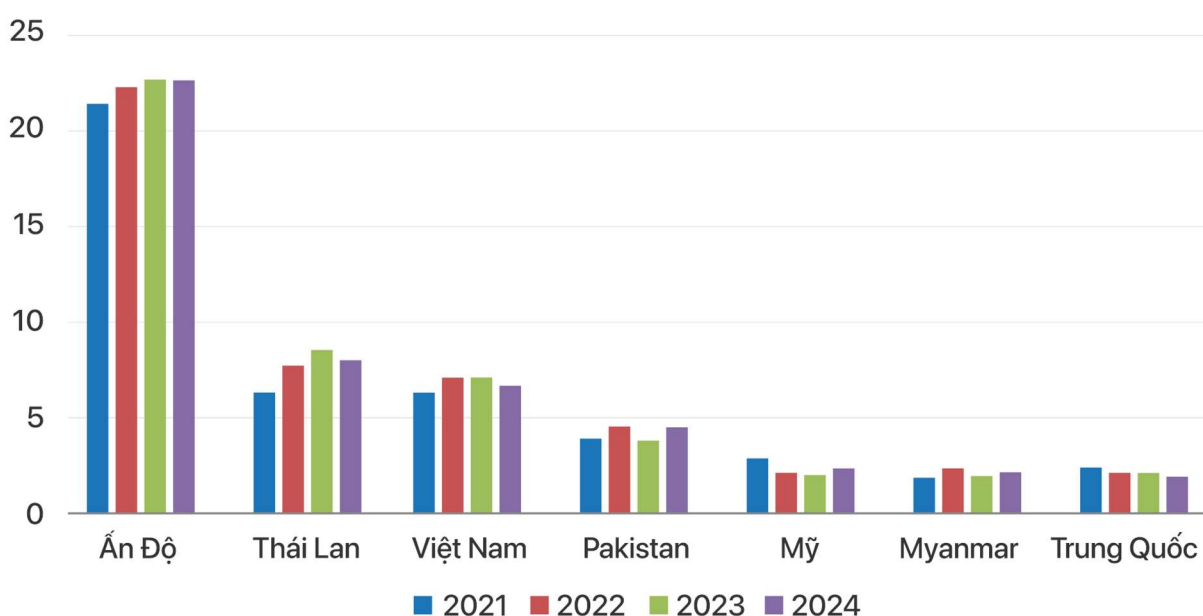
tổng cộng chiếm 60% xuất khẩu của Việt Nam, dự kiến sẽ tiếp tục mua một lượng lớn gạo. Nhu cầu gạo Việt Nam tại khu vực châu Phi cận Saharan cũng đang tăng lên.

Xuất khẩu gạo của Thái Lan được dự báo ở mức 8 triệu tấn trong năm tới, giảm 500.000 tấn so với năm 2023. Do nhu cầu thấp hơn dự kiến từ Đông Nam Á, đặc biệt là từ Indonesia. Tuy nhiên, nguồn cung lớn có thể sẽ giữ cho giá xuất khẩu của Thái Lan tiếp tục cạnh tranh.

Xuất khẩu của Pakistan dự kiến tăng 700.000 tấn lên 4,5 triệu tấn trong năm tới chủ yếu nhờ vụ mùa phục hồi. Niên vụ 2022-2023 bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, đã hạn chế nguồn cung xuất khẩu của nước này. Sản lượng năm 2023-2024 được dự báo sẽ tăng 60%, điều này sẽ dẫn đến giá thấp hơn và xuất khẩu nhiều hơn.

Xuất khẩu của Myanmar cũng được dự báo tăng 200.000 tấn lên 2,2 triệu tấn do các thị trường trọng điểm bao gồm Liên minh châu Âu tiếp tục có nhu cầu gạo Myanmar. Hơn nữa, xuất khẩu dự kiến sẽ tăng trở lại sau một vụ mùa nhỏ hơn vào năm 2022-2023.

Trong khi đó, xuất khẩu của Brazil được dự báo giảm xuống còn 900.000 tấn do nước này trải qua vụ mùa được dự báo thấp nhất trong hơn 25 năm sau khi xuất khẩu vượt quá 1 triệu tấn trong 2 năm liên tiếp trước đó. Tuy nhiên, đồng tiền Brazil mất giá sẽ tiếp tục khuyến khích xuất khẩu, chủ yếu sang Mỹ Latinh.



Biểu đồ 5: Một số nước nhập khẩu gạo hàng đầu trong năm 2024
(ĐVT: triệu tấn. Nguồn: USDA).

2. Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu



Ấn Độ: Xuất khẩu gạo của Ấn Độ dự kiến sẽ giảm trong năm tài chính hiện tại do tác động của việc hạn chế xuất khẩu bắt đầu trở nên rõ rệt hơn. Điều này có thể làm giảm vị thế của Ấn Độ trong thương mại gạo toàn cầu.

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ cho biết, xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ đạt mức cao kỷ lục trong năm tài chính 2023. Tuy nhiên, xuất khẩu dự kiến sẽ giảm trong năm 2024 do tác động của thuế xuất khẩu 20% đối với các loại gạo không phải gạo basmati dự kiến sẽ bắt đầu phản ánh từ tháng 4 trở đi.

Ấn Độ đã xuất khẩu 17,79 triệu tấn gạo non-basmati trong năm tài chính 2022-2023 so với 17,3 tấn trong năm 2021 - 2022, trong khi xuất khẩu gạo tấm đã giảm hơn 23% so với cùng kỳ ở mức 3 triệu tấn do lệnh cấm xuất khẩu gạo để ổn định giá trong nước. Về giá trị, xuất khẩu gạo non-basmati cao hơn 4% so với cùng kỳ năm ngoái, mang về 6,36 tỷ USD.

Xuất khẩu giảm sẽ ảnh hưởng đến vị thế của Ấn Độ trên thị trường toàn cầu, tạo cơ hội cho các đối thủ cạnh tranh như Thái Lan, Việt Nam và Pakistan. Mặt khác, việc giành lại thị trường cũng là một trong những nỗi lo bởi nó có thể tác động lâu dài đối với thương mại gạo của nước này.

Mặc dù vậy, giá gạo Ấn Độ trên thị trường toàn cầu đang hấp dẫn hơn so với Việt Nam và Thái Lan, phù hợp với nhu cầu của các thị trường châu Phi như Nigeria, Benin và Cameroon, theo *livemint*.



Thái Lan: Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, nước này đã xuất khẩu tổng cộng 2,06 triệu tấn gạo trong quý đầu tiên của năm 2023, với kim ngạch thu về 38,06 tỷ Baht, tăng 18,5% về lượng và tăng tới 29,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022.

Hiện Iraq là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Thái Lan chiếm 16,38% thị phần, tiếp đó là Indonesia (13,08%), Mỹ (8,62%), Nam Phi (8,24%) và Senegal (5,86%).

Bộ Thương mại Thái Lan đang đặt mục tiêu xuất khẩu từ 7,5 triệu tấn gạo đến 8 triệu tấn gạo trong năm nay.

Thái Lan, nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, đã khuyến nghị nông dân chỉ nên trồng một vụ trong năm nay thay vì hai vụ như thường lệ, vì El Nino có thể làm giảm lượng mưa. Sản lượng gạo giảm có khả năng đẩy giá lương thực thiết yếu của hơn 1/2 dân số thế giới lên cao. Đó là dấu hiệu ban đầu cho thấy điều kiện thời tiết phức tạp đang đe dọa sản lượng lương thực toàn cầu thế nào.



Pakistan: Theo Cơ quan Thống kê Pakistan, nước này đã xuất khẩu 392.618 tấn gạo các loại trong tháng 3, giảm 29,1% so với tháng 2 và giảm 16,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó bao gồm 64.274 tấn gạo basmati và 328.344 tấn gạo non-basmati. Lũy kế 3 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Pakistan đạt 1,29 triệu tấn gạo các loại, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm 2022.



Campuchia: Theo nguồn tin từ Liên đoàn Gạo Campuchia (CFR), nước này đã xuất khẩu 176.581 tấn gạo xay xát các loại trong 3 tháng đầu năm 2023, tăng khoảng 3,5% so với cùng kỳ 2022. Trung Quốc tiếp tục là nước nhập khẩu gạo xay xát lớn nhất của Campuchia với 84.773 tấn, chiếm đến 48% tổng khối lượng gạo xay xát xuất khẩu trong quý I. CFR đặt ra mục tiêu xuất khẩu 750.000 tấn gạo xay xát trong năm 2023 và cũng đang hướng đến mục tiêu 1 triệu tấn trong năm 2025.



Myanmar: Theo Liên đoàn Gạo Myanmar (MRF), xuất khẩu gạo của Myanmar đã giảm 66,8% xuống còn 47.888 tấn trong tháng 4 năm nay so với 144.035 tấn của cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, xuất khẩu gạo tấm của quốc gia Đông Nam Á này cũng giảm xuống 39.760 tấn từ 106.912 tấn của cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, Malaysia là nước mua gạo hàng đầu của Myanmar trong tháng 4 với 8.050 tấn gạo, trong khi Bỉ là nước mua gạo tấm hàng đầu của Myanmar với 15.725 tấn.

Myanmar vận chuyển phần lớn gạo và gạo tấm qua các tuyến đường biển do nước này có đường bờ biển dài. Theo MRF, nước này đã xuất khẩu gạo và gạo tấm sang Trung Quốc, Malaysia, Philippines, một số nước châu Âu và các nước khác.

Tổng cộng Myanmar thu về 853,47 triệu USD từ xuất khẩu hơn 2,2 triệu tấn gạo và gạo tấm trong năm tài chính 2022-2023.

b. Nhập khẩu



Philippines: Dữ liệu từ Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) cho thấy, nhập khẩu gạo của nước này tính đến ngày 4/5 đã đạt 1,3 triệu tấn, giảm 12,7% so với 1,5 triệu tấn được ghi nhận vào tháng 5 năm ngoái.

Tính riêng trong tuần đầu tiên của tháng 5, nhập khẩu gạo của Philippines chỉ đạt 34.050 tấn, giảm gần 90% so với 316.604 tấn từ một năm trước.

Việt Nam vẫn là nguồn cung gạo hàng đầu của Philippines, đạt 1,2 triệu tấn tương ứng gần 90% tổng khối lượng nhập khẩu của nước này. Myanmar đứng thứ hai với 70.165 tấn. Ngoài ra, Philippines cũng nhập khẩu gạo từ Thái Lan, Pakistan, Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản.


Thuế suất tối huệ quốc (MFN) đối với gạo vẫn ở mức 35% đối với cả nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch cho đến hết tháng 12 năm nay.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo nhập khẩu gạo của Philippines sẽ đạt 3,6 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024 bắt đầu từ tháng 7 năm nay. Ngoài ra, USDA dự kiến sản lượng gạo của nước này sẽ đạt 12,55 triệu tấn do nông dân được cho là sẽ tăng cường sử dụng phân bón nhờ sự hỗ trợ lớn hơn của chính phủ.

Bộ Nông nghiệp Philippines cho biết nguồn cung gạo của nước này sẽ vẫn ổn định trong bối cảnh lo ngại ngày càng tăng về tình trạng thiếu gạo và tăng giá do hiện tượng El Niño.


Tháng trước, cơ quan này cho biết lượng tồn kho cuối kỳ trong quý I/2023 ở mức khoảng 5,66 triệu tấn, đáp ứng tốt cho nhu cầu tiêu thụ trong 51 ngày.

Cơ quan Lương thực Quốc gia đã hoãn kế hoạch nhập khẩu 330.000 tấn gạo và quyết định tăng mua từ nông dân địa phương

 **Indonesia:** Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Trung ương Indonesia (BPS), nhập khẩu gạo của nước này trong quý I năm nay đạt tổng cộng 511.903 tấn, tăng gấp 10 lần so với 51.408 tấn của cùng kỳ năm trước. Trong đó, 85% khối lượng được nhập khẩu từ Thái Lan (51%) và Việt Nam (34,1%).

Cụ thể, Indonesia đã nhập khẩu 260.995 tấn gạo từ Thái Lan trong quý I, tăng 38 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi nhập khẩu từ Việt Nam đạt 174.497 tấn, tăng 388 lần.

Ngoài ra, Indonesia còn nhập khẩu 45.276 tấn gạo từ Ấn Độ, 26.334 tấn từ Pakistan, và một số thị trường khác.

 **Trung Quốc:** Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, nước này đã nhập khẩu 390.000 tấn gạo trong tháng 3, tăng 30.000 tấn so với tháng trước, nhưng giảm 24,9% so với tháng 3/2022.

Trong tháng 3, Việt Nam, Myanmar, Ấn Độ, Campuchia, Pakistan và Thái Lan là những thị trường cung cấp gạo cho Trung Quốc, với khối lượng lần lượt là 151.800 tấn, 89.900 tấn, 41.300 tấn, 37.900 tấn, 34.400 tấn và 33.600 tấn. Như vậy, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất vào Trung Quốc trong tháng vừa qua.

Tính đến hết quý I năm nay, nhập khẩu gạo của Trung Quốc đạt gần 1 triệu tấn với trị giá 510,8 triệu USD, giảm 39,8% về lượng và giảm 27,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ yếu là do chênh lệch giá giữa gạo trong và ngoài nước thu hẹp, cộng với việc Ấn Độ tiếp tục hạn chế xuất khẩu và sản lượng gạo của Pakistan giảm mạnh do lũ lụt nghiêm trọng vào năm ngoái.

Trong quý I, Trung Quốc nhập khẩu gạo nhiều nhất từ Myanmar, đạt 292.618 tấn, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đứng thứ hai là Việt Nam với 268.515 tấn, trị giá gần 158 triệu USD, tăng gấp 2 lần về lượng và 2,4 lần về trị giá so với cùng kỳ. Thị phần của Việt Nam trong tổng khối lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc tăng lên mức 26,9% so với 7,9% của cùng kỳ năm 2022.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ các thị trường khác như Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Campuchia... đều giảm mạnh

3. Diễn biến giá

Chỉ số giá gạo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đạt trung bình 124,2 điểm vào tháng 4, tăng 2,5% so với tháng 3 và cao hơn 17,8% so với cùng kỳ năm trước.

Nhu cầu từ người mua châu Á đối với gạo Việt Nam giúp giá gạo Japonica tăng 2,8% trong tháng 4 so với tháng trước, trong khi giá gạo thơm và nếp tăng khoảng 1% mỗi loại.

Mặc dù các vụ thu hoạch đang diễn ra ở nhiều nhà cung cấp châu Á, nhưng với động thái nhập khẩu gạo của Indonesia, cùng với các thỏa thuận của Iraq và Malaysia, đã thúc đẩy xu hướng tâm lý trên thị trường gạo châu Á.

Thêm vào đó, tin tức về việc Cơ quan Lương thực Quốc gia của Philippines đề xuất nhập khẩu thêm gạo đã củng cố thêm xu hướng tăng giá vào đầu tháng, mặc dù kế hoạch này sau đó đã bị hủy bỏ. Trong bối cảnh đó, giá gạo Indica đã tăng ở tất cả các nhà cung cấp chính của châu Á. Mức tăng mạnh nhất được ghi nhận ở Pakistan, nơi gạo 5% tấm tăng vọt lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2011.

Ở chiều ngược lại, gạo đỏ tại Ấn Độ là loại gạo duy nhất có giá giảm trong tháng vừa qua, phản ánh nhu cầu yếu đối với loại gạo này, đặc biệt là từ những người mua ở Tây Phi.

Nước sản xuất	Loại gạo	Tháng 1/2023 (USD/tấn)	Tháng 2/2023 (USD/tấn)	Tháng 3/2023 (USD/tấn)	Tháng 4/2023 (USD/tấn)	Tháng 4/2023 so với tháng 3/2023 (%)	Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022 (%)
Ấn Độ	100% tấm						
	Pusa Basmati	1.517	1.550	1.550	1.550	▲ 0,0	▲ 24,0
	25% tấm	406	413	403	413	▲ 2,4	▲ 18,6
	5% tấm	419	429	418	429	▲ 2,5	▲ 18,5
Pakistan	Gạo đỏ 5% tấm	388	393	380	373	▼ 1,9	▲ 2,5
	Basmati	1.537	1.396	1.250	1.273	▲ 1,9	▲ 43,1
	25% tấm	437	447	429	453	▲ 5,5	▲ 32,7
Thái Lan	5% tấm	466	476	457	497	▲ 8,6	▲ 34,1
	Trắng 100% tấm	532	507	490	515	▲ 5,1	▲ 12,6
	25% tấm	507	482	468	490	▲ 4,6	▲ 12,1
	A1 Super	473	448	437	453	▲ 3,7	▲ 7,4
	Thơm	909	889	859	875	▲ 1,9	▲ 5,3
	Nếp 10% tấm	782	767	734	738	▲ 0,5	▲ 9,1
Việt Nam	Đỏ 100%	523	501	487	512	▲ 5,2	▲ 12,8
	Nếp 10% tấm	547	532	524	531	▲ 1,3	▲ 20,8
	25% tấm	429	433	424	438	▲ 3,4	▲ 9,9
	5% tấm	449	450	439	457	▲ 4,0	▲ 7,9
Campuchia	Thơm 5% tấm	502	508	485	503	▲ 3,7	▲ 9,0
	Thơm 5% tấm	738	755	757	754	▼ 0,4	▲ 6,8
Mỹ	U.S Medium Grain 4% 3/	1.644	1.700	1.700	1.700	▲ 0,0	▲ 35,2
	U.S 4% 1/	719	728	727	719	▼ 1,1	▲ 21,1
Argentina	5% tấm	583	592	591	603	▲ 1,9	▲ 14,8
Brazil	5% tấm	625	632	626	637	▲ 1,9	▲ 18,0
Uruguay	5% tấm	590	597	598	603	▲ 0,8	▲ 12,8

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới trong 4 tháng đầu năm 2023 (Nguồn: FAO).

Còn theo *Reuters*, tính đến giữa tháng 5, giá gạo trắng 5% tấm của Việt Nam đang được chào bán với giá 485-495 USD/tấn, không đổi so với một tuần trước và là mức giá cao nhất trong gần 2 năm qua. Một thương nhân trong ngành cho biết, hoạt động mua bán gạo diễn ra mạnh mẽ do các nhà xuất khẩu đang đẩy mạnh mua hàng để hoàn thành các hợp đồng đã ký.

Tương tự, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán bằng với giá của tuần trước đó, ở mức 376-380 USD/tấn, thấp nhất kể từ tháng 12/2021. Đây là tuần thứ tư giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ giảm. Nhu cầu yếu, cộng hưởng với nguồn cung từ vụ Đông cũng đang bị chậm lại do lượng mưa không kịp trong vài tuần qua, là nguyên nhân khiến gạo Ấn Độ bị mất giá.

Trong khi đó, tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm đã tăng lên mức cao nhất trong gần 4 tháng ở mức 498-500 USD/tấn, cao hơn đáng kể so với mức giá 485 USD/tấn của tuần trước, nhờ nhu cầu tăng và đồng Baht mạnh lên.



Biểu đồ 6: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2022 đến ngày 14/5/2023
(ĐVT: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters).

PHẦN II:

THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM

Xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 4 và 4 tháng đầu năm thiết lập kỷ lục mới do nhu cầu tăng cao từ hầu hết thị trường chính. Tại trong nước tình hình sản xuất cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực với năng suất tăng, giá bán tiếp tục cải thiện.

1. Sản xuất

a. Diện tích gieo trồng, thu hoạch

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 15/4/2023, cả nước gieo cấy được 2.949,5 nghìn ha lúa Đông Xuân, bằng 98,6% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.066,2 nghìn ha, bằng 99%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.883,3 nghìn ha, bằng 98,4%.

Diện tích gieo cấy lúa Đông Xuân giảm chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để chuyển sang đất xây dựng, trồng rau màu, trồng cây lâu năm hoặc nuôi trồng thủy sản.

Đến trung tuần tháng 4, các địa phương phía Nam đã thu hoạch được 1.568,4 nghìn ha lúa Đông Xuân, chiếm 83,3% diện tích gieo cấy và bằng 102,9% cùng kỳ năm trước. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 1.415,7 nghìn ha, chiếm 95,7% diện tích gieo cấy và bằng 103,1% cùng kỳ năm 2022. Theo kết quả sơ bộ, năng suất lúa Đông Xuân ước đạt 72 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với năm trước do thời tiết tương đối thuận lợi và ứng dụng các mô hình trồng lúa công nghệ cao tiếp tục được nhân rộng; sản lượng ước đạt 10,6 triệu tấn, giảm 30,3 nghìn tấn do diện tích giảm 28,2 nghìn ha.

Về lúa Hè Thu, tính đến 15/4, các địa phương phía Nam gieo cấy được 446,1 nghìn ha lúa Hè Thu, bằng 111,7% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 440,3 nghìn ha, bằng 112,6%. Tiến độ gieo cấy lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do thời tiết thuận lợi, ít ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn.

Hiện nay, lúa Hè Thu đang ở giai đoạn mạ đến làm đòng, cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, vụ Hè Thu thường chịu ảnh hưởng của nắng nóng, hạn hán, có thể xảy ra tình trạng thiếu nước tại các tỉnh Trung Bộ, Tây Nguyên trong các tháng mùa khô. Do vậy, các địa phương cần áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, bảo đảm nguồn nước tưới cho cây lúa, rà soát cơ cấu mùa vụ và điều chỉnh thời vụ gieo trồng đảm bảo khung thời vụ tốt nhất cho vụ mùa tiếp theo.

b. Tình hình sâu, dịch bệnh, thời tiết

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật (BVTV), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) vào đầu tháng 5.

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 2.281 ha (giảm 143 ha so với kỳ trước, giảm 726 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 34 ha; phòng trừ trong kỳ 1.493 ha.
- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 5.073 ha (tăng 2.208 ha so với kỳ trước, tăng 4.019 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 168 ha; phòng trừ trong kỳ 3.373 ha.
- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.287 ha (tăng 608 ha so với kỳ trước, tăng 766 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 595 ha.
- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 1.649 ha (tăng 234 ha so với kỳ trước, giảm 4.301 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 20 ha; phòng trừ trong kỳ 9.629 ha.

2. Xuất khẩu

Trong bối cảnh xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực sụt giảm mạnh ở mức 2 con số, ngành gạo đang nổi lên như một điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu hàng hoá của nước ta.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4 xuất khẩu gạo đạt hơn 1 triệu tấn, trị giá 545,85 triệu USD, vượt qua kỷ lục cũ là 961.608 tấn, trị giá 509 triệu USD đạt được vào tháng trước, đồng thời so với cùng kỳ năm ngoái tăng 87,9% về lượng và tăng gần gấp đôi về trị giá.

Với kết quả này, tính đến hết tháng 4 xuất khẩu gạo của nước ta đã đạt gần 2,9 triệu tấn, với kim ngạch thu về hơn 1,5 tỷ USD, tăng 40,7% về lượng và tăng 51,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022. Đây cũng là con số cao nhất ghi nhận được của ngành gạo trong 4 tháng đầu năm kể từ trước đến nay.



Biểu đồ 7: Khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm từ 2009-2023

(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan).

Những bất ổn về chính trị và kinh tế cùng với điều kiện thời tiết cực đoan đã thúc đẩy nhiều quốc gia trên thế giới tăng cường dự trữ lương thực, trong đó có bộ ba thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, gồm Philippines, Trung Quốc và Indonesia.

Chỉ tính riêng trong 4 tháng đầu năm nay, Philippines đã chi tới hơn 647,5 triệu USD để nhập khẩu 1,29 triệu tấn gạo Việt Nam, tăng 40,6% về lượng và 53,4% về trị giá. Nước láng giềng Đông Nam Á này là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam chiếm tới 44,4% về lượng và 42,4% về giá trị.

Xuất khẩu gạo sang thị trường lớn thứ hai là Trung Quốc cũng tăng lên mức cao nhất trong 5 năm qua, với 507.066 tấn, tăng 70,8% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm 17,5% khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam. Nhu cầu của Trung Quốc đã phục hồi trở lại sau khi nước này tái mở cửa nền kinh tế từ đầu năm nay sau gần 3 năm đóng cửa chống dịch COVID-19.

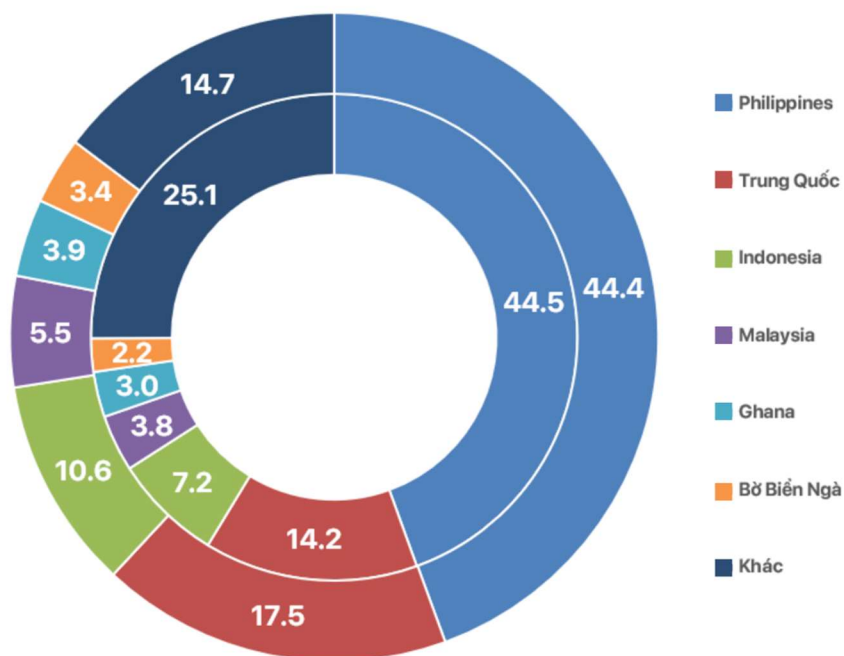
Trong khi đó, Indonesia đã vươn lên vị trí số ba về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 4 tháng qua với khối lượng đạt 306.496 tấn, tăng 2.498% (26 lần) so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 10,6% thị phần. Tính riêng trong tháng 4, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường này đạt 157.909 tấn, tăng 1.338% so với tháng 4/2022.

Cơ hội xuất khẩu gạo sang Indonesia đang trở lên rộng mở khi cuối tháng 3 vừa qua, Bộ Thương mại Indonesia cho biết, nước này sẽ nhập khẩu 2 triệu tấn gạo dự trữ quốc gia trong năm 2023, trong đó 500.000 tấn sẽ được thực hiện sớm nhất có thể. Lượng gạo dự trữ quốc gia nhập khẩu sẽ được sử dụng vào chương trình bình ổn giá gạo, hỗ trợ gạo cho 21,53 triệu hộ nghèo và sử dụng cho các mục đích khác.

Cũng giống như Philippines, Indonesia đang tăng cường nhập khẩu gạo nhằm bổ sung cho kho dự trữ quốc gia do lo ngại hiện tượng El Nino sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp vào nửa cuối năm nay. Được biết, Việt Nam hiện đang là quốc gia cung cấp gạo hàng đầu cho cả Philippines và Indonesia.

Ngoài những thị trường kể trên, Malaysia, Singapore, Mozambique cũng đang đẩy mạnh nhập khẩu gạo từ Việt Nam. Đặc biệt, lượng gạo xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU) cũng ghi nhận tăng trưởng cao ở mức ba con số tại một số thị trường như Bỉ tăng 160,5%, Tây Ban Nha tăng 119,3%, Ba Lan tăng 93,7%, Hà Lan tăng 49,1%...

Tuy nhiên, lượng gạo xuất khẩu sang hai thị trường tiêu thụ hàng đầu tại châu Phi là Gana và Bờ Biển Ngà lại giảm lần lượt là 22,7% và 54,3%....



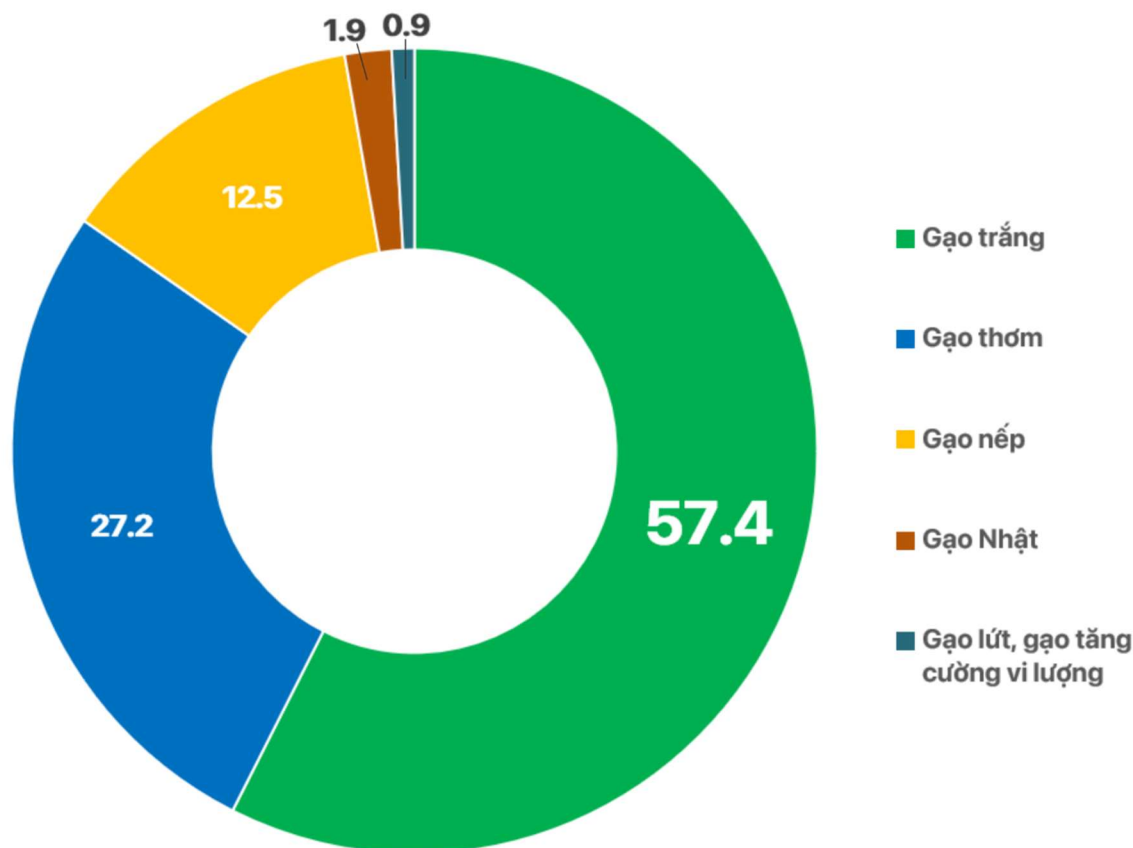
Biểu đồ 8: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 4 tháng năm 2022 (vòng trong) và 4 tháng năm 2023 (vòng ngoài) theo khối lượng (ĐVT: %. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan).

Trong 4 tháng đầu năm nay, xuất khẩu hầu hết chủng loại gạo đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái, ngoại trừ gạo thơm.

Cụ thể, gạo trắng vẫn là chủng loại xuất khẩu gạo lớn nhất chiếm gần hơn 57% khối lượng gạo xuất khẩu gạo của nước ta, đạt 1,7 triệu tấn, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu gạo trắng hàng đầu của Việt Nam là Philippines và Indonesia.

Nhu cầu của thị trường Trung Quốc phục hồi đẩy khối lượng gạo nếp xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh 84,6% lên hơn 368 nghìn tấn. Ngoài ra, lượng gạo Nhật và gạo lứt, gạo tăng cường vi chất cũng tăng lần lượt là 28,3% và 67,7%.

Riêng xuất khẩu nhóm gạo thơm (Jasmine, DT8, KDM, ST24, ST25...) giảm nhẹ 3,5% so với cùng kỳ nhưng kim ngạch thu về vẫn tăng 4%, đạt hơn 800 nghìn tấn với trị giá 448,8 triệu USD, chiếm 27,2% tỷ trọng.



Biểu đồ 9: Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng năm 2023

(ĐVT: %. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan).

3. Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu trong tháng 4 tiếp tục giảm nhẹ 6 USD/tấn so với tháng trước nhưng tăng 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức bình quân 523 USD/tấn.

Tính chung 4 tháng đầu năm, giá gạo xuất khẩu bình quân của nước ta đạt 527 USD/tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2022.



Biểu đồ 10: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2021-2023

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan).

Tại trong nước, theo dữ liệu từ Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA), giá lúa thường hiện đã tăng khoảng 200 – 600 đồng/kg so với đầu năm và tăng 1.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái, dao động 6.436 tại ruộng và 7.621 đồng/kg tại kho.

Giá gạo cũng tăng khoảng 700 đồng/kg so với đầu năm và tăng 1.800 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái, lên 10.500 – 10.900 đồng/kg.

	Ngày 30/4/2023 (đồng/kg)	So với cuối tháng 3/2023 (đồng/kg)	So với đầu năm 2023 (đồng/kg)	So với cùng kỳ năm 2022 (đồng/kg)
Lúa thường tại ruộng	6.436	178	207	961
Lúa thường tại kho	7.621	458	571	1.025
Lứt loại 1	9.958	433	25	1.129
Xát trắng loại 1	11.225	500	400	1.642
5% tấm	10.939	503	657	1.768
15% tấm	10.767	492	725	1.809
25% tấm	10.517	475	709	1.800
Tấm 1/2	9.136	115	129	922
Cám xát/lau	7.336	-228	-743	-989

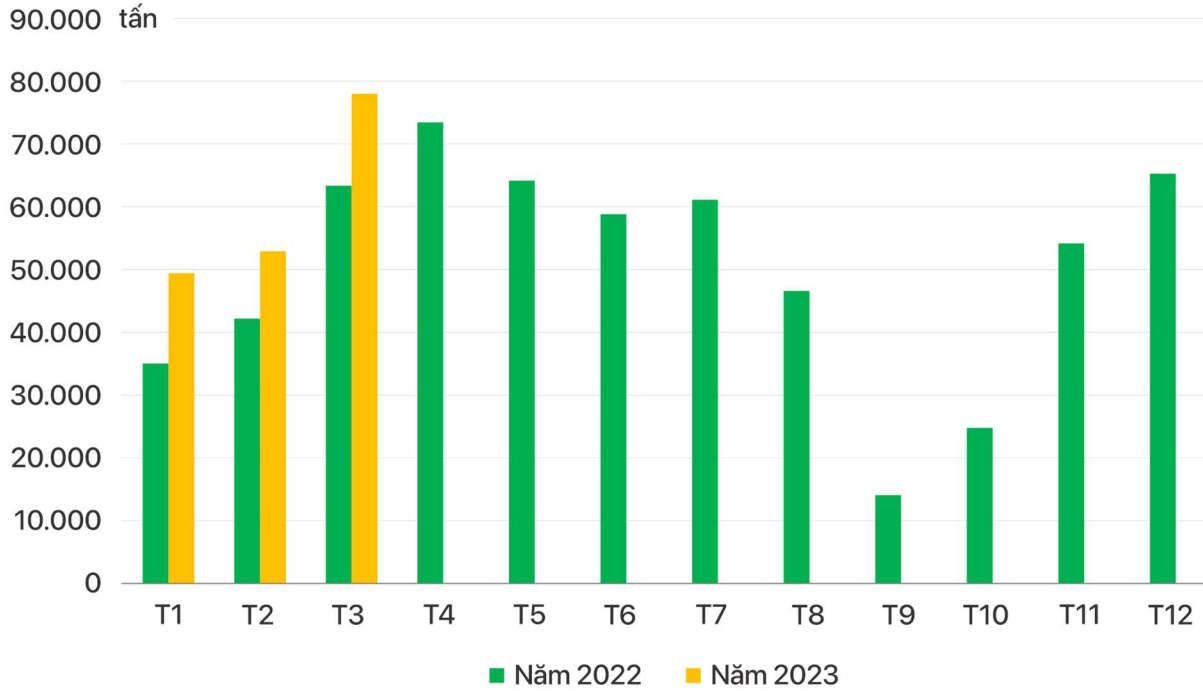
Bảng 2: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL trong tháng 4/2023 (Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam).

4. Tình hình nhập khẩu

Mặc dù Ấn Độ đã ngừng xuất khẩu gạo tấm và áp thuế 20% đối với một số loại gạo, ngoại trừ gạo basmati và gạo đỏ từ tháng 9/2022 để đảm bảo nguồn cung trong nước nhưng nhập khẩu gạo của Việt Nam từ thị trường Ấn Độ vẫn tăng khá mạnh trong thời gian gần đây.

Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, Việt Nam hiện đứng thứ 12 trong số các khách hàng nhập khẩu gạo lớn nhất của nước này với khối lượng đạt 78.361 tấn, tăng 47,2% so với tháng trước và tăng 23,5% so với cùng kỳ năm trước.

Luỹ kế 3 tháng đầu năm Việt Nam đã chi 57,55 triệu USD nhập khẩu 181.234 tấn gạo từ Ấn Độ, tăng 28,6% về lượng và 32,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Các doanh nghiệp đã chuyển từ mua gạo tấm sang gạo trắng thường với thuế 20%.



Biểu đồ 11: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2021-2023 (Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ).

PHẦN III: DỰ BÁO

Nhu cầu gạo trên thị trường quốc tế vẫn đang ở mức cao khi nhiều dự báo cho thấy hiện tượng thời tiết El Nino sẽ xuất hiện vào nửa cuối năm 2023, làm gia tăng rủi ro về nguồn cung lúa gạo tại khu vực châu Á. Điều này khiến các quốc gia trong khu vực như Philippines hay Indonesia phải tăng cường kho dự trữ quốc gia.

Tuy nhiên với nguồn cung từ vụ Đông Xuân không còn nhiều và sản xuất lúa gạo năm nay được dự báo tiếp tục thu hẹp, xuất khẩu gạo có khả năng sẽ hạ nhiệt trong thời gian tới.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) nhận định lực cầu của thế giới năm nay rất lớn, doanh nghiệp có thể bán ra với giá tốt. Tuy nhiên giá tốt chưa chắc có thể giúp kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam có thể lập kỷ lục bởi sản lượng xuất khẩu năm nay có thể giảm.

Ở mặt bằng chung, Việt Nam thường xuất khẩu khoảng 6,3-6,5 triệu tấn gạo/năm là tốt năm rồi. Năm 2022, sản lượng gạo xuất khẩu lên tới 7,1 triệu tấn, điều này có nghĩa tồn kho năm nay sẽ thấp và 2023 khó chạm tới con số này. Giá có tăng cũng khó tăng trưởng 25%, do đó VFA cho rằng kim ngạch xuất khẩu bằng mức 3,5 tỷ USD của năm 2022 đã là thành công.

Theo *Báo Thanh Niên*, mới đây, VFA chính thức kiến nghị Bộ Công thương xem xét điều chỉnh mục tiêu xuất khẩu gạo năm 2023 từ 7 triệu tấn xuống 6,1 - 6,3 triệu tấn, do thiếu hụt nguồn cung.

Nếu dựa trên số liệu mà VFA đưa ra thì khối lượng gạo xuất khẩu trong năm nay thấp hơn khoảng 0,8 - 1,1 triệu tấn so với năm 2022. Như vậy, sau khi đã xuất khẩu kỷ lục 2,9 triệu tấn gạo trong 4 tháng đầu năm thì lượng gạo còn lại dành cho xuất khẩu 8 tháng cuối năm chỉ còn khoảng 3,1 - 3,4 triệu tấn, tương đương 390 - 425 nghìn tấn/tháng.

Trước đó, Bộ Công Thương đặt kỳ vọng xuất khẩu gạo năm 2023 có thể đạt khoảng 7 triệu tấn với kim ngạch 4 tỷ USD. Dù khối lượng thấp hơn năm 2022 (7,13 triệu tấn), song kim ngạch cao hơn hẳn (3,45 tỷ USD).

Đánh giá về tình hình xuất khẩu gạo trong thời gian qua, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, không chỉ tăng về số lượng, giá gạo của Việt Nam đang ở mức cao trong những năm qua và cơ cấu loại gạo xuất khẩu cũng chuyển biến tích cực.

Sản phẩm gạo thơm đạt 530 - 540 USD/tấn, mức cao nhất từ trước đến nay. Về cơ cấu chủng loại, hiện nay gạo trắng phổ thông chiếm hơn 50% kim ngạch xuất khẩu, tuy nhiên tỷ lệ gạo thơm, gạo

nếp, cũng như gạo tăng cường chất vi lượng tăng nhanh, ví dụ như gạo thơm xuất khẩu chiếm hơn 25% trữ lượng gạo.

Đây cũng là yếu tố để Việt Nam có thể tiếp cận những thị trường khó tính, bảo hộ thương mại cao như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Tuy nhiên, để giữ vững thị trường tiêu thụ, đại diện Bộ Công Thương khuyến nghị các doanh nghiệp cần duy trì ổn định chất lượng gạo, theo sát yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm của từng thị trường, tăng xuất khẩu gạo chất lượng cao để tăng giá trị cho các lô gạo xuất khẩu.

PHẦN IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Xuất khẩu gạo tăng cao cả về lượng và giá nhưng kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp lại tương đối kém khả quan trong quý I/2023. Lợi nhuận thu hẹp do chi phí đầu vào, lãi vay ở mức cao.



Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần (Vinafood II): Trong quý I doanh thu thuần của Vinafood II đạt gần 4.470 tỷ đồng, tăng 59,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế quý I của công ty chỉ đạt hơn 500 triệu đồng, so với 482 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước, trong khi lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ vẫn lỗ hơn 7,16 tỷ đồng.

Biên lợi nhuận của công ty khá mỏng khi các khoản chi phí tăng mạnh đã làm xói mòn lợi nhuận. Theo đó, chi phí giá vốn của Vinafood II trong quý I tăng tới 65,3% lên 4.170 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính cũng tăng 64,6% lên 63,7 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG): Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2023 của LTG ghi nhận doanh thu đạt 2.452 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, doanh thu từ lúa, gạo ghi nhận 1.675,3 tỷ đồng (tăng 41,6%) và chiếm hơn 68% tổng doanh thu; thu từ thuốc bảo vệ thực vật ghi nhận gần 620 tỷ đồng (giảm 37%); doanh thu từ hạt giống 112 tỷ đồng; bao bì 32 tỷ đồng.

Nhưng giá vốn hàng bán tăng gần 400 tỷ đồng đã đẩy lợi nhuận gộp của công ty giảm 50%, còn 273 tỷ đồng.

Cũng do chi phí tài chính tăng gấp đôi, lên 147 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13 tỷ đồng, nên Lộc Trời báo lỗ sau thuế 81 tỷ đồng. Ban lãnh đạo công ty cho biết chi phí lãi vay tăng mạnh (gấp gần 3 lần) là nguyên nhân chính dẫn đến thua lỗ. Với kết quả này, Lộc Trời còn cách rất xa kế hoạch lợi nhuận sau thuế tối thiểu 400 tỷ đồng đề ra trong năm nay.



CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR): Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý đầu tiên của năm 2023, TAR ghi nhận doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 897 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, Lợi nhuận khác của công ty cũng “tụt dốc” chỉ đạt 310 triệu đồng. So với con số 4 tỷ của năm trước, lợi nhuận khác của năm nay đã giảm hơn 92%.

Sau khi trừ đi các chi phí, Trung An vẫn thu về 8,4 tỷ đồng tiền lãi. Tuy nhiên, so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế của công ty đã giảm 68,6% tương ứng với 18,6 tỷ đồng. Giải trình về sự suy giảm này, Trung An cho biết nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay kỳ này cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Theo đó chi phí tài chính phát sinh thêm 142% so với cùng kỳ, ở mức 34 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (Mã: PAN): Doanh thu hợp nhất của PAN trong quý I đạt 2.635 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế giảm gần 37% đạt 106 tỷ đồng.

Nguyên nhân chính do trong quý I/2022, PAN ghi nhận khoản lợi nhuận đến từ giao dịch chuyển nhượng tại nhà máy gần 74 tỷ. Nếu so sánh riêng hoạt động kinh doanh cốt lõi, PAN ghi nhận tăng trưởng 13% về lợi nhuận sau thuế.

Mảng giống cây trồng và nông dược, khử trùng đóng góp doanh thu 1.100 tỷ đồng và 91 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương đương so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, đây là mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất về doanh thu.

Trong năm nay, PAN đặt kế hoạch kinh doanh tăng trưởng nhẹ so với năm ngoái. Theo đó, kế hoạch doanh thu 15.156 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế kỳ vọng 840 tỷ đồng, tăng 5,8%. CTCP Tập đoàn PAN cho biết trong năm 2023 nếu công ty đạt kế hoạch, mức cổ tức dự kiến ít nhất là 5% bằng tiền



CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Mã: AGM): Doanh thu thuần quý I của AGM giảm 84% xuống 159,3 tỷ đồng; lợi nhuận gộp giảm tới 89% xuống còn 8,8 tỷ đồng. Doanh thu tài chính giảm 67% xuống 9,7 tỷ đồng; lợi nhuận khác giảm tới 113%.

Chi phí bán hàng ghi nhận 16 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp 7,6 tỷ đồng, lần lượt giảm 76% và 40% so với cùng kỳ năm 2022. Kết quả, Angimex báo lỗ sau thuế gần 18 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi gần 10 tỷ đồng.

PHẦN V: CHÍNH SÁCH



Philippines: Bộ nông nghiệp Philippines cho biết trong một tuyên bố rằng họ đang nỗ lực để đạt mục tiêu tự cung tự cấp gạo vào năm 2027, hoặc một năm trước khi kết thúc nhiệm kỳ sáu năm của ông Marcos. Ông Marcos cũng là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.

Theo chương trình 5 năm được sửa đổi, chính quyền của Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. đã xác định "các chiến lược chính" để tăng cường sản xuất, bao gồm thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

Nguồn cung gạo nội địa hàng năm theo chương trình được dự báo sẽ ổn định ở mức 24,99 đến 26,86 triệu tấn. Kế hoạch này cũng đặt mục tiêu hạn chế mức tăng giá gạo hàng năm ở dưới 1%, thu nhập của nông dân tăng 54% và duy trì đủ dự trữ đệm.

Là thị trường nhập khẩu gạo lớn thứ hai thế giới sau Trung Quốc, hiện Philippines nhập khẩu hơn 3 triệu tấn gạo hàng năm, chủ yếu từ Việt Nam, để tăng nguồn cung trong nước và giữ giá ổn định.



Thái Lan: Thái Lan, nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, đã đưa ra khuyến nghị với nông dân chỉ trồng một vụ trong năm nay thay vì hai vụ như thường lệ do El Nino có vẻ sẽ làm giảm lượng mưa. Hiện tượng El Nino đã gây ra nắng nóng gay gắt tại Đông Nam Á trong những tuần gần đây. Mô hình thời tiết thường dẫn đến điều kiện nóng hơn, khô hơn ở nhiều vùng của Châu Á.

Cũng như gạo, đây là rủi ro đối với sản lượng các loại cây trồng bao gồm đậu cọ, ca cao và đường, những mặt hàng mà Thái Lan cũng là nhà sản xuất chính. Nigeria: Chính phủ Nigeria đã sửa đổi Thuế điều chỉnh nhập khẩu (IAT) đối với mặt hàng gạo từ 50% lên 60% với gạo đóng gói trên 5kg hoặc số lượng lớn và từ 5 kg trở xuống



Nigeria: Chính phủ Nigeria đã sửa đổi Thuế điều chỉnh nhập khẩu (IAT) đối với mặt hàng gạo từ 50% lên 60% với gạo đóng gói trên 5kg hoặc số lượng lớn và từ 5 kg trở xuống

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương

Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)

Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn

Cục Bảo vệ thực vật

Tổng cục Hải quan

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)

Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Reuteus

SSI Research

Riotimeonline

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường gạo tháng 04/2023” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:



Báo cáo thị trường gạo
tháng 1/2023



Báo cáo thị trường gạo
tháng 2/2023



Báo cáo thị trường gạo
quý I/2023



Mục “Báo cáo ngành hàng” -
VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI:

Trịnh Huyền Trang

Thư kí toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 093 818 9222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP